

**ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT**

## VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ ĐÔNG PHƯƠNG HỌC TRẦN KINH HÒA (1917-1995) TRÊN ĐẤT VIỆT NAM

Nguyễn Văn Nặng\*

### 1. Đặt vấn đề



Giáo sư Trần Kinh Hòa (1917-1995).  
Nguồn: BEFEO.

Những người tham gia công tác quản lý ở Viện Đại học Huế trong những năm đầu thành lập<sup>(1)</sup> và giới nghiên cứu, giảng dạy ngành khoa học xã hội và nhân văn tại hai phân khoa Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa thuộc Viện Đại học Huế trước năm 1975 đều biết rất rõ một giáo sư thỉnh giảng về lịch sử Đông phương người Đài Loan; là người có vai trò có thể xem là lớn nhất trong tổ chức và các hoạt động dịch thuật rất nổi tiếng của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Viện Đại học Huế. Đó là GS Trần Kinh Hòa (Chen Ching Ho/ 陳荆和).

Giới nghiên cứu hậu học như chúng tôi, chỉ biết về GS qua các bài khảo cứu sử liệu và bản dịch Việt ngữ một số thư tịch có nguồn gốc từ văn bản Hán Nôm liên quan đến lịch sử cổ trung đại Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi muốn giới

thiệu bước đầu về thân thế và sự nghiệp của ông; điểm qua vài nét về những công việc ông đã làm, đồng thời ghi nhận lại những đóng góp của ông trong việc khảo cứu và khai thác nguồn sử liệu Hán Nôm của Việt Nam lưu giữ ở Huế phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu lịch sử Việt Nam, đặc biệt trong thời gian 4 năm (8/1958-6/1962) GS cộng tác với Viện Đại học Huế.

### 2. Vài nét về tiểu sử GS Trần Kinh Hòa<sup>(2)</sup>

GS Trần Kinh Hòa sinh ngày 28/9/1917 tại Đài Trung, Đài Loan. Dòng họ Trần của ông có nguồn gốc lâu đời tại tỉnh Phúc Kiến (Trung Hoa). Ông bắt đầu học đại học tại Đại học Keio (Nhật Bản) và tốt nghiệp cử nhân năm 1942 về lĩnh vực sử Đông phương, dưới sự hướng dẫn của GS Matsumoto Nobuhiro.

\* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Huế.

Từ tháng 3/1943 đến tháng 9/1945, do sự thỏa thuận giữa hai chính phủ Nhật-Pháp, ông đến Hà Nội, thực tập ở l'École Française d'Étrême-Orient (EFEO, Trường Viễn Đông Bác Cổ). Ở đây ông học tiếng Việt và lịch sử Đông Nam Á. Cũng tại đây, ông cưới vợ, một cô gái Bắc Kỳ tên là Đặng Thị Hòa. Ông có 5 người con, 2 trai và 3 gái. Hai người con trai sau này nhập quốc tịch Pháp và ba người con gái lập nghiệp ở San Francisco, California, Hoa Kỳ. Việc thực tập của ông ở Trường Viễn Đông Bác Cổ tại Hà Nội chấm dứt khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc.

Từ tháng 9/1945 đến tháng 10/1955, nhà nghiên cứu trẻ Trần Kinh Hòa trở về Đài Loan, ông trở thành công dân của Trung Hoa Dân Quốc (trước đó Đài Loan bị phát xít Nhật chiếm đóng). Từ năm 1946 đến năm 1958, ông nghiên cứu và cộng tác ở Đại học Đài Loan, đặt tại Taipei (Đài Bắc), như một thuyết trình viên (Lecture), rồi trợ giảng (Assistant) và trở thành giáo sư (Professeur) của Khoa Lịch sử, giảng dạy lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Nhật Bản... Vào cuối giai đoạn này ông nhận được học bổng của China Foundation (ở New York) để tiếp tục nghiên cứu về lịch sử Viễn Đông tại Institute des hautes études Chinoises de Paris (Viện nghiên cứu cao cấp về Trung Hoa ở Paris).

Từ Pháp trở về (1958), ông đến Huế cộng tác như một giáo sư thỉnh giảng của Viện Đại học Huế theo lời mời của Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Viện Đại học Huế. Viện Đại học Huế trở thành nơi đầu tiên ở nước ngoài mà GS được tham gia thỉnh giảng và nghiên cứu. Ông ở Huế từ tháng 8/1958 đến tháng 6/1962. Trong thời gian này, ngoài Huế, GS còn thỉnh giảng ở Viện Đại học Sài Gòn và Viện Đại học Đà Lạt. Ông giảng dạy về lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Trung Hoa và lịch sử Nhật Bản.

Từ tháng 8/1959, ông trở thành Tổng thư ký của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam trực thuộc Viện Đại học Huế (Giám đốc Ủy ban do Viện trưởng Viện Đại học Huế kiêm nhiệm). Theo chức năng của Ủy ban, nhiều nhiệm vụ khảo cứu và dịch thuật sử liệu Hán Nôm đã được triển khai. Một trong những nhiệm vụ trọng yếu là việc sắp xếp và làm mục lục châu bản<sup>(3)</sup> triều Nguyễn. Những việc làm này, dù khi đã về Hồng Kông, GS vẫn kiêm nhiệm cho đến tháng 9 năm 1965. Từ tháng 6 năm 1962 đến tháng 5 năm 1964, ông nhận nhiệm vụ làm Phân viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Đông Nam Á (Head of Southeast Asian Studies Section) của Đại học Tân Á (New Asia), Hồng Kông. Năm 1966, ông nhận bằng Tiến sĩ Văn chương (Doctorat ès Lettres) tại Đại học Keio, Nhật Bản.

Từ năm 1969 đến năm 1974, ông làm giáo sư thỉnh giảng ở Đại học Keio, Tokyo, Nhật Bản (7/1969-6/1970); Đại học Sud-Illinoise, Hoa Kỳ (9/1971-6/1973);<sup>(4)</sup> Đại học Soka, Tokyo, Nhật Bản (1974). Sau đó, ông còn làm khách mời của Đại học Korean, Hàn Quốc (6/1976).

Ở Đại học Tân Á, Hồng Kông, ông làm Chủ nhiệm bộ môn của Khoa Nghiên cứu Nhật Bản từ 1977. Những năm 1977-1978, ông làm Phó Giám đốc

rời Giám đốc Viện Nghiên cứu Trung Hoa (Institute des Études Chinoises). Trong giai đoạn này, ông đã qua Pháp 4 lần theo lời mời của Bộ Ngoại giao Pháp trong các năm từ 1978 đến 1981. Tại đây, ông đã đọc và thuyết trình tại Đại học Sorbonne, tại Viện Nghiên cứu cao cấp Trung Hoa và tại Trường Viễn Đông Bác Cổ ở Paris.

Tháng 9 năm 1981, ông rời Đại học Tân Á qua giảng dạy ở Đại học Soka, Tokyo về lịch sử Đông Nam Á và lịch sử Trung Quốc. Trong vòng 12 năm (1981-1993), ông tiếp tục nghiên cứu lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Trung Hoa. Với uy tín của mình, trong thời gian này, ông cũng được mời cộng tác với Đại học Bắc Kinh. Ông đến ở Bắc Kinh trong 2 tháng (tháng 6 và 7) năm 1986.

Ông chính thức từ giã sự nghiệp nghiên cứu giảng dạy từ năm 1993 sau khi bị căn bệnh tai biến mạch máu não hành hạ. Ông và vợ ông nghĩ rằng ở Việt Nam có thể chữa trị thành công căn bệnh này bằng châm cứu với sự giúp đỡ của GS Nguyễn Tài Thu, nên đã sang Việt Nam để điều trị. Nhưng việc chữa trị không thành, ông mất tại Sài Gòn ngày 19 tháng 11 năm 1995 vì căn bệnh trên. Thi hài ông được hỏa táng và đưa về Mỹ.<sup>(5)</sup>

### **3. Hoạt động giảng dạy, khảo cứu và dịch thuật sử liệu Hán Nôm Việt Nam của GS Trần Kinh Hòa**

Nhìn vào những hoạt động khoa học của GS Trần Kinh Hòa có thể xem ông là một nhà Đông phương học, một nhà Việt Nam học xuất sắc. Hoạt động khoa học của GS ở Việt Nam có thể bao gồm 3 lĩnh vực cơ bản sau.

#### **3.1. Công tác giảng dạy**

Với tư cách là một GS thỉnh giảng trong thời gian từ năm 1958 đến năm 1962, ông đã dạy các môn chuyên ngành về Đông phương học như lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Trung Quốc, lịch sử Nhật Bản... Sinh viên các khóa đầu tiên của phân khoa Đại học Văn khoa và phân khoa Đại học Sư phạm Huế đã được hân hạnh nghe ông giảng. Trong đó, có Ban SỬ địa khóa 1 Trường Đại học Sư Phạm Huế.<sup>(6)</sup> Theo nhận xét của một số sinh viên, ông thật sự là một GS uyên bác, cẩn trọng trong khoa học, mẫu mực về phong cách và chu đáo tận tình với sinh viên.

Đầu tiên, có thể nói ông là một nhà khoa học có kiến thức uyên thâm. Về ngôn ngữ, GS có thể đọc và viết tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Việt, tiếng Anh; nói được các thứ tiếng Nhật, tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, các phương ngữ Trung Quốc: Quan Thoại, Phúc Kiến và Quảng Đông. Đặc biệt, ông am hiểu sâu rộng lĩnh vực cổ sử Trung Hoa. Với vốn liếng ngôn ngữ và vị thế điều hành Ủy ban Phiên dịch, ông đã tham khảo được nhiều tài liệu gốc trong các thư viện, các kho lưu trữ ở Việt Nam, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản. Là người Công giáo, ông dễ dàng tiếp cận các kho lưu trữ ở phương Tây. Vợ ông đã giúp ông đọc lại những giáo trình ông viết bằng tiếng Việt. Hiếm có GS nước ngoài nào giảng dạy tiếng Việt thuần thực như

ông. Những giáo trình của ông có thể xem là những công trình nghiên cứu, có cách hành văn lưu loát, chặt chẽ đến nỗi người học Việt Nam không nghĩ đó là của người nước ngoài. Khi lên lớp, bao giờ giáo trình của ông cũng được đánh máy (3 bản) cẩn thận và giúp GS có thể bổ sung kiến thức bất cứ lúc nào. Khi giảng, GS viết lên bảng những khái niệm, những thuật ngữ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Hán và ít khi xóa ngay. Sinh viên rất thích thú được dự những tiết giảng của GS.

Về nội dung giảng dạy, kiến thức sâu rộng nhất của GS là lịch sử Đông Nam Á. Phần cổ sử Đông Nam Á có trong thư tịch Trung Quốc rất dồi dào, lại được tham khảo ở nhiều kho lưu trữ, đọc được nhiều hồi ký của các nhà hàng hải đã giúp GS có những bài giảng về lịch sử Đông Nam Á sinh động với nhiều thông tin quý giá và bổ ích. GS có sự đối sánh rất thuyết phục giữa lịch sử các nước Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Cambodia, Ấn Độ... Một số chuyên đề cũng được GS giảng, trong đó chuyên đề “Danh xưng Giao Chỉ” rất thu hút sinh viên, người học ghi chép nhiều đến một cuốn vở cỡ 200 trang.<sup>(7)</sup> Người học có thể nâng cao phương pháp nghiên cứu khoa học trong chuyên đề “Về cách xử lý và diễn giải sử liệu”, giúp xử lý, đối chiếu sử liệu và cách trình bày, luận giải quan điểm của bản thân.

Khi tiếp cận một số tác phẩm sử học, GS hướng dẫn sinh viên phải đọc nguyên bản Hán văn như *Việt sử lược*... Ông đưa sinh viên khóa 1 và khóa 2 đi dã ngoại ở Hội An và thuyết trình ngay tại thực địa. Về tác phong, GS chưa bao giờ lên lớp trễ, khi làm việc ở nhà, bao giờ GS cũng mặc áo quần chỉnh tề, để khách khứa và gia đình khỏi làm mất thời gian của ông. Trong quan hệ với sinh viên, GS tỏ ra thân ái, gần gũi và hướng dẫn ân cần chu đáo cho họ. Ông tìm chỗ dạy thêm cho sinh viên... nhưng không vì thế mà bị sinh viên lợi dụng. Những thế hệ học trò được ông dạy đều ít nhiều có ảnh hưởng bởi tính tự trọng và sự miệt mài, nghiêm cẩn trong tác phong làm việc và nhân cách sống của ông.

### **3.2. Công tác dịch thuật**

Công tác dịch thuật của ông gắn liền với hoạt động của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam của Viện Đại học Huế. Nhận thấy ở Huế còn lưu trữ một khối lượng lớn văn bản Hán Nôm của triều đình Nguyễn, vì trải qua chiến tranh chống Pháp (1945-1954), kho châu bản và các thư tịch trong Hoàng Thành nói chung không được quan tâm bảo quản, bị hư hỏng và mất mát khá nhiều, nên ngày 7/7/1959, Viện Đại học Huế xin tiếp nhận và bảo quản toàn bộ kho châu bản và các văn kiện triều Nguyễn đang được lưu giữ tại Viện Văn hóa Trung Kỳ. Trên cơ sở đó, một Ủy ban Phiên dịch Sử liệu ra đời do Viện trưởng trực tiếp phụ trách, có trụ sở riêng và một số lượng nhân viên khoảng 15 người.<sup>(8)</sup> GS Trần Kinh Hòa được mời làm Tổng thư ký với hoạt động đầu tiên là chỉnh đốn, nghiên cứu và xuất bản mục lục châu bản triều Nguyễn.

Sau 2 tháng làm việc, tháng 9 năm 1959, Ủy ban đã kiểm tra và thống kê được 611 tập châu bản thuộc 10 triều vua như sau:<sup>(9)</sup>

TT	Triều vua	Số tập	TT	Triều vua	Số tập
1	Gia Long (1802-1819)	5	6	Đồng Khánh (1886-1888)	4
2	Minh Mạng (1820-1840)	83	7	Thành Thái (1889-1907)	74
3	Thiệu Trị (1841-1847)	51	8	Duy Tân (1907-1916)	35
4	Tự Đức (1848-1883)	352	9	Khải Định (1916-1925)	4
5	Kiến Phúc (1884)	1	10	Bảo Đại (1926-1945)	2
				<b>Cộng:</b>	<b>611</b>



Trang bìa *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập I - triều Gia Long.



Trang bìa *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập II - triều Minh Mạng.

Sau khi kiểm kê, Ủy ban tiến hành đánh số trang cho các tập châu bản và đóng các tập thành quyển để tiện kiểm kê và tàng trữ. Từ đầu tháng 9/1959, Ủy ban bắt đầu làm mục lục châu bản theo một mẫu phiếu thống nhất gồm các yếu tố: triều đại, ngày, tháng, năm, tập, trang, loại, xuất xứ, trích yếu, đề tài và bị chú, bằng tiếng Việt và chữ Hán. Sau đó, Ủy ban lần lượt cho xuất bản 2 tập: Tập I triều Gia Long, năm 1960 và tập II triều Minh Mạng 1-5, năm 1962.

Khi GS Trần Kinh Hòa về Đài Loan, ông vẫn tiếp tục chỉ đạo công việc làm phiếu châu bản cho đến khi kết thúc, nhưng việc xuất bản các tập mục lục bị dừng lại do điều kiện chiến tranh và một phần cũng có thể là do GS không còn trực tiếp điều hành công việc này nữa.

Sau đó, Ủy ban còn tiếp tục sưu tầm, biên dịch, biên khảo và xuất bản nhiều ấn phẩm phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy sử học... Chúng ta

chỉ có thể biết được công việc của Ủy ban này thông qua những tác phẩm dịch thuật đã được công bố trong một thời gian tương đối ngắn. Những thành tựu có được gắn liền với thời gian mà GS Trần Kinh Hòa trực tiếp điều hành Ủy ban khi còn ở Huế. Sau đó, khi GS về Hồng Kông (tháng 6/1962), tuy

vẫn còn có trách nhiệm chỉ đạo việc biên dịch và khảo cứu mục lục châu bản triều Nguyễn cho đến tháng 9/1965 nhưng hoạt động của Ủy ban cũng không còn hiệu quả cao như trước. Cùng với việc biên soạn mục lục châu bản triều Nguyễn và công việc biên dịch, ông đã viết nhiều bài khảo cứu về sử liệu học (giám định niên đại, giới thiệu tác giả, giới thiệu nội dung...) góp phần rất lớn cho công tác nghiên cứu và tham khảo tài liệu cổ sử Việt Nam.

### 3.3. Công tác nghiên cứu, biên khảo

#### 3.3.1. Khái quát về các thành quả nghiên cứu, biên khảo và dịch thuật<sup>(10)</sup>

GS Trần Kinh Hòa để lại một khối lượng lớn các công trình khoa học nghiêm túc bằng nhiều thứ tiếng, đóng góp cho ngành Đông phương học của các quốc gia trong khu vực Đông Á. Trong đó, phần lớn trước tác ông dành để khảo cứu, biên dịch các nguồn sử liệu về cổ sử Việt Nam với nhiều nội dung phong phú và một bút lực dồi dào; để lại cho giới nghiên cứu Việt Nam nhiều công trình quý giá trong lĩnh vực sử học, Hán Nôm học.

*Bảng thống kê số lượng công trình nghiên cứu của GS Trần Kinh Hòa*

Phân loại công trình nghiên cứu	Ngôn ngữ	Số bài	Số bài liên quan đến Việt Nam
Bài báo, công trình (Articles)	Trung Quốc	34	19
	Anh	3	3
	Nhật	19	11
	Việt	3	3
<b>Cộng</b>		<b>59</b>	<b>36</b>
Sách và biên khảo (Books and Compilations)	Trung Quốc	6	6
	Trung Quốc hoặc Việt nhưng có giới thiệu hoặc tóm tắt bằng tiếng Anh	9	8
	Anh	3	2
	Nhật	1	1
<b>Cộng</b>		<b>19</b>	<b>17</b>

- *Các bài báo, công trình (Articles)*: Ông đã biên khảo rất nhiều bài báo khoa học có giá trị bằng nhiều thứ tiếng khác nhau. Chiếm số lượng lớn nhất là tiếng Trung Quốc: 34 bài, trong đó có 19 bài liên quan đến Việt Nam; tiếng Anh: 3 bài, đều liên quan đến Việt Nam; tiếng Việt: 3 bài; Tiếng Nhật: 19 bài, có 11 bài liên quan đến Việt Nam.

Ba bài tiếng Việt là:

1) “Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và cổ tích tại Hội An” (đăng trong tạp chí *Việt Nam khảo cổ tập san*, số 1 năm 1960 và số 3 năm 1962).

2) “Nguồn sử liệu của lịch sử Trung Quốc liên hệ đến cổ sử Đông Nam Á và Ấn Độ” (đăng trong đặc san *Đại học Sư phạm*, số 1, Huế, 1960).

3) Lời mở đầu của cuốn *An Nam chí lược*.

- *Sách và biên khảo* (Books and Compilations): GS cũng viết bằng nhiều thứ tiếng: Tiếng Trung Quốc: 6 cuốn, đều có nội dung về Việt Nam hay liên hệ đến Việt Nam (như vấn đề Champa); viết bằng tiếng Trung Quốc hay tiếng Việt Nam (Quốc ngữ Latinh) nhưng có lời giới thiệu hay tóm tắt bằng tiếng Anh: 9 cuốn, trong đó có 8 cuốn liên quan đến Việt Nam, 1 cuốn viết về Philippines; tiếng Anh: 3 cuốn, có 2 cuốn liên quan đến Việt Nam; tiếng Nhật: 1 cuốn.

Trong 9 tác phẩm bằng tiếng Trung Quốc hay tiếng Việt Nam có lời giới thiệu hay tóm tắt bằng tiếng Anh thì có 8 cuốn viết về Việt Nam nổi tiếng được GS biên khảo (giới thiệu, tóm tắt, hiệu chỉnh, chú giải...) sau đây:

- 1) *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập 1.
- 2) *An Nam chí lược*.
- 3) *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập 2.
- 4) *Trịnh Hoài Đức và Cấn Trai thi tập*.
- 5) *Thừa Thiên Minh Hương xã Trần thị chính phủ*.
- 6) *Phan Thúc Trực - Quốc sử di biên* (in tại Hồng Kông năm 1965).

7) *Xiêm La quốc lộ trình tập lục* của Tống Phước Ngọan và Dương Văn Châu.

- 8) *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca*.

Ngoài ra, GS dự định viết, dịch và cho in nhiều công trình đã hoàn tất bản thảo nhưng chưa hoàn thành thì ông đã mất. Trong đó, chính GS đã liệt kê như sau:

1) Dịch, chú thích, lời mở đầu tiếng Trung Quốc cuốn *Một cơn gió bụi* của Trần Trọng Kim.

2) *Những văn bản chữ Nôm phiên âm Quốc ngữ (Latinh)*, với sự giúp đỡ của Đại học Harvard Yenching (1969-1970).

3) Nguồn tài liệu về lịch sử Việt Nam: *Đại Việt sử ký toàn thư* (30 tập), *Đại Nam nhất thống chí* (miền Bắc và miền Nam), *Gia Định thông chí*, (6 tập), *Việt sử lược* (3 tập)...

4) *Di dân Trung Hoa đến Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII*, biên tập 400 trang bằng tiếng Pháp (sẽ xuất bản).

### **3.3.2. Một số công trình khảo cứu tiêu biểu của GS Trần Kinh Hòa**

Khối lượng trước tác của GS rất đồ sộ bằng nhiều thứ tiếng, chúng tôi chỉ điểm qua một số tác phẩm xuất bản bằng tiếng Việt hiện đang lưu hành khá phổ biến ở Huế.

1) *Mục lục châu bản triều Nguyễn*: Có thể coi châu bản là văn thư lưu trữ của triều đình. Đây là loại tài liệu quý hiếm của Việt Nam. GS Trần

Kinh Hòa đã viết một bài “Giới thiệu về châu bản triều Nguyễn” khá kỹ càng nhân khi Ủy ban Phiên dịch cho xuất bản *Mục lục châu bản*, tập I, triều Gia Long, năm 1960. Bài viết được in vào phần đầu và được dịch ra tiếng Anh, gồm 4 nội dung: 1. Tiểu dẫn; 2. Duyên cớ và chức trách của Nội Các triều Nguyễn; 3. Cách truyền đạt và bảo tồn châu bản; 4. Các châu bản hiện còn, số mục và cách chỉnh đốn. GS cho rằng: “Năm 1942, đã có một hội đồng do ông Ngô Đình Nhu lãnh đạo bắt đầu chỉnh đốn và phân mục cho bộ ấy, nhưng sự thực trừ một số nhân viên Quốc Sử Quán và Nội Các triều Nguyễn, ngoài ra đối với các sử gia thế giới, châu bản triều Nguyễn vẫn là một bộ “bí tịch” không thể dễ dàng tham khảo được”. Vì vậy, GS đã “lược thuật về những vấn đề liên quan đến châu bản triều Nguyễn để các nhà sử học và các nhân sĩ có quan tâm đến lịch sử Việt Nam tiện bề tham khảo”. Đồng thời GS cũng cho biết “số châu bản hiện còn không bằng 1/5 của ngày trước”.<sup>(11)</sup>

2) *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và cổ tích tại Hội An.*<sup>(12)</sup> Đây là một bài nghiên cứu công phu, tỉ mỉ và được xem là khá đầy đủ, chi tiết và thuyết phục nhất về Minh Hương xã ở Hội An. Ngoài lời mở đầu, bài viết đề cập đến các nội dung: 1. Niên đại sáng lập phố Khách và Minh Hương xã; 2. Các bậc “Tiền hiền”, “Thập lão”, “Lục tính” và “Tam gia”; 3. Diện tích, hành chính và thuế lệ của Minh Hương xã; 4. Các miếu từ và hội quán. Bài này đóng góp rất lớn cho việc nghiên cứu về người Trung Hoa du nhập vào xứ Đàng Trong ở Việt Nam trong các thế kỷ XVII-XVIII. Đây là cơ sở cho việc nghiên cứu về người Minh Hương và Hoa kiều ở Hội An sau này.

3) Cũng trong chủ đề nghiên cứu về người Hoa nhập cư ở xứ Đàng Trong, GS có bài viết “Một trang sử của Hoa kiều ở Thuận Hóa (Việt Nam)” đăng lần đầu trong *Tân Á học báo*, quyển 4, kỳ đầu ra ngày 1/8/1959 của Hồng Kông. Sau đó, được dịch và đăng lại dưới nhan đề “Làng Minh Hương và phố Thanh Hà” trên tạp chí *Đại học*<sup>(13)</sup> năm 1961 của Viện Đại học Huế. Đây là một bài viết rất công phu với các nội dung: 1. Niên đại bắt đầu kiến thiết phố Thanh Hà; 2. Sự thay đổi của phố Thanh Hà; 3. Công việc dinh thương, thể lệ nạp thuế và các công vụ phải thừa hành của Thanh Hà phố; 4. Kiến lập Thiên Hậu Cung; 5. Phố Thanh Hà suy tàn và khu Hoa kiều mới được thành lập... Về tổ chức Minh Hương xã và các bang, tác giả có sự khảo cứu tỉ mỉ và khá thuyết phục...

4) Đối với cuốn *An Nam chí lược*, 20 quyển của Lê Tắc, dù lưu hành rộng rãi ở nước ngoài nhưng ở Việt Nam thì ít được đề cập vì lý do tác giả của nó là kẻ đầu hàng nhà Nguyên (như tác giả tự nhận). Mãi đến năm 1960, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam của Viện Đại học Huế do GS Trần Kinh Hòa làm cố vấn tổ chức phiên dịch, thì mới hoàn thành “bản phiên dịch Việt văn”. Để xuất bản tập sách này năm 1961, GS đã viết một bài nghiên cứu công phu với tựa đề “Soạn niên, tài liệu và truyền bản của *An Nam chí lược*” và được in ngay những trang đầu của bản dịch. “Đây là



*một công trình dịch thuật có giá trị, và lần đầu tiên An Nam chí lược được nhiều người, nhất là những người không có điều kiện tiếp cận nguyên bản Hán văn, trân trọng đón nhận, coi là một tài liệu tham khảo quý hiếm*".<sup>(14)</sup> Năm 1989, khi GS Chương Thâu đến Tokyo, GS Trần Kinh Hòa đã tặng lại bản chụp nguyên bản và bản dịch *An Nam chí lược*, bản khảo cứu đồng thời cho phép tái bản "mà không bận tâm gì về vấn đề tác quyền".

5) Bộ *Hải ngoại kỷ sự*, 7 quyển được GS tìm thấy trong *Đông Dương văn khố* tàng thư ở Nhật Bản và được Ủy ban Phiên dịch xuất bản tại Huế năm 1963. Sách này cũng được "GS Trần giới thiệu trong một bài khảo cứu bằng Hán văn, chép rất công phu. GS cho chúng ta biết nhiều điều về bộ sách, cũng như về thân thế và sự nghiệp của Đại Sán, nhờ đó chúng ta càng hiểu rõ lời của Đại Sán hơn".<sup>(15)</sup> Bài giới thiệu của GS Trần Kinh Hòa được dịch ra tiếng Việt và in vào cuối sách này.

6) Cuốn *Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trực<sup>(16)</sup> được xuất bản lần đầu tại Trung Văn Đại học đường ở Hồng Kông tháng 10 năm 1965. Trong lần xuất bản này có bài giới thiệu về bộ sách dưới nhan đề "Quốc sử di biên, đích biên giả dữ nội dung" của GS Trần Kinh Hòa. Trong lần đầu tiên xuất bản tại Việt Nam (1973), đã đăng lại bài khảo cứu công phu này của GS. Trong lời giới thiệu sách của dịch giả Hồng Liên Lê Xuân Giáo, có nhận định: "...Trần Kinh Hòa tiên sinh, trong một bài khá dài, nhan đề "Đích thực người đã trước tác quyển "Quốc sử di biên" cùng nội dung quyển sách ấy như thế nào?"... đã ca tụng Phan Thúc Trực tiên sinh là một thiên tài, một vị Giáp bảng cao khoa, đồng thời là một vị quan viên ưu tú và tân tiến. Còn đối với quyển "Quốc sử di biên", thì GS Hòa cho đó là một bộ lịch sử chiếm một địa vị trọng yếu nhất trong các sử thi của nhà Nguyễn, và được học giới coi trọng, vì quyển sử ấy quả là một bộ "tín sử" có giá trị đặc biệt".<sup>(17)</sup>

#### 4. Vài kết luận

- GS Trần Kinh Hòa là một trong những GS thỉnh giảng đầu tiên của Viện Đại học Huế. Có thể xem ông là nhà *Đông phương học đầu tiên nghiên cứu và giảng dạy tại Viện Đại học Huế*, rồi sau đó giảng dạy và nghiên cứu tại nhiều nước Đông Á khác, với một tác phong nghiên cứu và phương pháp sư phạm mẫu mực đáng để cho nhiều cán bộ khoa học hiện nay học tập...

- Ông là nhà *Việt Nam học, nhà sử liệu học nổi tiếng*, có thể sánh ngang với các nhà Việt Nam học người nước ngoài tiên phong như L. Cadière, L. Aurousseaux, G. Maspéro... Với một phong cách làm việc cẩn trọng, tỉ mỉ, với một phương pháp sử học tân tiến, GS Trần Kinh Hòa đã để lại nhiều công trình khảo cứu sử liệu vô cùng giá trị cho nền sử học Việt Nam, đặc biệt là giới nghiên cứu cổ sử Việt Nam, cổ sử Đông Nam Á.

- Ông là một trong những người đầu tiên *đặt nền móng cho mối quan hệ và việc hợp tác trong lĩnh vực giảng dạy đại học giữa các đại học Đài*

Loan với các đại học Việt Nam mà bắt đầu là với Viện Đại học Huế trong buổi đầu thành lập; đặc biệt là trong lĩnh vực trao đổi cán bộ và sinh viên, trong giảng dạy, dịch thuật và nghiên cứu lịch sử Việt Nam và lịch sử Đông Nam Á.

- Nền tảng cho những cống hiến của GS, theo chúng tôi, chính là dựa trên *những hiểu biết sâu sắc về văn hóa-lịch sử cổ thông qua loại chữ viết tượng hình* sử dụng phổ biến trong khu vực Đông Á xưa và nay. Những đóng góp lớn lao của GS chính là biết khai thác và nghiên cứu nguồn sử liệu Việt Nam được viết bằng chữ Nôm, loại chữ viết đã từng là quốc ngữ ở Việt Nam, chuyển tải những giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của Việt Nam. Điều này đặt ra nhiều vấn đề đáng để suy ngẫm trong hợp tác và phát triển các ngành Hán-Nôm học, Đông phương học, Việt Nam học ở Huế hiện nay.

5) Bài viết này như là một nén nhang tưởng niệm nhân dịp kỷ niệm 95 năm ngày sinh của cố GS Trần Kinh Hòa (1917-2012), người đã chọn Việt Nam làm quê hương thứ hai trong cuộc đời hoạt động khoa học đầy say mê và nhiều cống hiến của mình. Kể từ khi đặt chân đến Việt Nam làm thực tập sinh lúc mới 26 tuổi, rồi lấy vợ Việt Nam, thỉnh giảng ở các đại học, Tổng thư ký Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Viện Đại học Huế, chữa bệnh, gói gắm sự nghiệp cho các thế hệ học trò người Việt cho đến khi mất, Việt Nam đã là một phần máu thịt trong cuộc đời và sự nghiệp của vị giáo sư người Đài Loan này.

N V Ñ

## CHÚ THÍCH

- (1) Viện Đại học Huế thành lập theo Sắc lệnh số 45-GD ngày 01 tháng 3 năm 1957 của chính quyền Sài Gòn. Điều thứ nhất của sắc lệnh ghi: “Nay thiết lập tại Huế một Viện Đại học và một số trường chuyên môn phụ thuộc, lấy tên là Viện Đại học Huế”. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu Đệ I CH - 1866.
- (2) Phần này được tổng hợp chủ yếu từ hai tài liệu:
  - *Ching Ho A. CHEN (1917-1995)* của tác giả Léon Vandermeersch, Ancien Directeur de l'EFEQ, *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient*, (1996), pp.10-17, do GS Nguyễn Thế Anh cung cấp.
  - Tự truyện bằng tiếng Pháp do chính GS viết khi đến Sài Gòn chữa bệnh, do dịch giả Nguyễn Nghị ở Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.
 Ở Huế, GS Trần Kinh Hòa giảng dạy lịch sử cho nhiều thế hệ học trò. Trong đó, có nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Châu Phan, chủ biên tờ *Nghiên cứu Huế*. Bài viết này hoàn thành có sự giúp đỡ về tư liệu của ông Nguyễn Hữu Châu Phan. Nhân đây tôi xin chân thành cảm ơn ông.
- (3) Châu bản là những văn bản của triều đình đã được nhà vua “ngự phê” hay “ngự lãm” và thường có bút tích “ngự phê” bằng màu mực son đỏ.
- (4) Theo ông Trần Viết Ngạc, hiện ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi rời Hồng Kông, GS về Đại học Cao Hùng (Kaohsiung University, Đài Loan). Sau đó khoảng năm 1967, GS có sang cộng tác ở Đại học Cornell, Hoa Kỳ. Ở trường này có trung tâm Việt học, có ủy ban dịch thuật và ông cũng làm tư liệu ở đó... Nhưng theo một lá thư đánh máy của GS Hòa gửi cho học trò Trương Ngọc Phú (khóa 2, Đại học Sư phạm, đang sống ở Huế) để ngày 07/5/1971,

- có nhắc đến chi tiết là GS sắp sang thỉnh giảng ở SIU (South Illinois University), ở đây có trung tâm Việt học (Center for Vietnamese Studies). Chúng tôi ghi lại để bổ khuyết sau này.
- (5) Trong thời gian chữa bệnh ở Việt Nam, chúng tôi ghi theo lời kể của ông Trần Viết Ngạc.
  - (6) Khóa 1 gồm 5 giáo sinh. Trong năm học 1960-1961, 5 giáo sinh Ban SỬ Địa khóa Nguyễn Trường Tộ (1958-1961), Trường Đại học Sư phạm Huế tốt nghiệp là: Nguyễn Hữu Châu Phan, Tôn Thất Tuệ, Đỗ Viết Lê, Lê Thị Liên, Trần Viết Ngạc. Nguyễn Hữu Châu Phan trở thành phụ khảo tại Đại học Sư phạm, phụ trách phòng SỬ Địa. Trần Viết Ngạc trở thành giảng viên Đại học Sư phạm Huế, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Khóa 2 gồm có 9 giáo sinh, trong đó có Trương Ngọc Phú sau trở thành giáo nghiệm viên của Đại học Văn khoa.
  - (7) Dựa theo lời kể các học trò cũ là các ông Trần Viết Ngạc, Nguyễn Hữu Châu Phan, Trương Ngọc Phú.
  - (8) Trụ sở của Ủy ban lúc đầu ở khu vực Morin của Trường Đại học Văn khoa, sau đó dời lên bên phải Thư viện Đại học Tổng hợp cũ (Trung tâm Học liệu của Đại học Huế hiện nay), vốn là cơ sở Thư viện tỉnh Thừa Thiên Huế sau năm 1975. Nhân viên chủ yếu là hợp đồng từ Viện Hán học của Viện Đại học Huế. Kinh phí hoạt động chủ yếu do các tổ chức nước ngoài tài trợ. Chẳng hạn, để xuất bản *Mục lục châu bản*, có sự tiến cử của Ủy ban Nghiên cứu học thuật Đông Á (China Council for Eastern Asian Studies), sự viện trợ nhân viên của Harvard Yenching Institute và kinh phí ấn loát do Hội Viện trợ Văn hóa Á Châu (The Asia Foundation) tài trợ.
  - (9) Trước năm 1975, chính quyền Sài Gòn chuyển khối tài liệu châu bản từ Huế lên Đà Lạt, rồi đưa về Sài Gòn. Sau năm 1975, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II tại Thành phố Hồ Chí Minh quản lý (thống kê năm 1975 được 602 tập). Năm 1991, châu bản được chuyển ra Hà Nội do Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I quản lý. Kế tục công việc phát huy giá trị của nguồn sử liệu này, năm 1993 có thống kê lại được 734 tập (do đã xử lý một phần các tập bị kết dính); các cơ quan hữu quan như Cục Lưu trữ Nhà nước, Đại học Huế, Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu Văn hóa đã phối hợp để tiếp tục xử lý, cứu vãn và chỉnh lý, biên tập, công bố. Bước đầu đã xuất bản được *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập II, Minh Mệnh 6-7, 1998.
  - (10) Các công trình của GS, chúng tôi trích trong Tự truyện của GS tặng cho người thân, bạn bè khi đến Thành phố Hồ Chí Minh chữa bệnh, do ông Nguyễn Nghị ở Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.
  - (11) Trần Kinh Hòa. “Giới thiệu về châu bản triều Nguyễn”, *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập I, Huế, 1960, tr. VIII-XIX.
  - (12) Tạp chí *Việt Nam khảo cổ tập san*, số 1 năm 1960, trang 1-30 và số 3 năm 1962, tr. 7-40.
  - (13) Tạp chí *Đại học*, số 3 năm 1961, Viện Đại học Huế, tr. 96-121.
  - (14) Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Nxb Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế, 2002, trích Lời nói đầu. Bài khảo cứu của GS Trần Kinh Hòa được in lại bằng khổ chữ nhỏ từ trang 25 đến trang 36.
  - (15) Thích Đại Sán, *Hải ngoại kỷ sự, sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVII*, Viện Đại học Huế, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam xuất bản, 1963. Trích Lời giới thiệu của Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Viện Đại học Huế năm 1962, trang 6. Bài giới thiệu của GS Trần Kinh Hòa từ trang 237 đến trang 280.
  - (16) Phan Thúc Trục (1808-1852), người làng Vân Tụ, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đậu tiến sĩ năm 1847, làm việc ở Hàn Lâm Viện, tòa Nội Các, Thị giảng Tập Hiền Viện, sung chức “Kinh diên khởi cư chú”. Năm 1851, vâng mệnh vua, ông ra Bắc Kỳ tìm kiếm những sách vở cũ còn sót lại. Năm 1852, ông trở về đến địa phận Thanh Hóa thì mất vì bệnh nặng ở giữa đường, được truy tặng hàm Thị độc học sĩ.
  - (17) Phan Thúc Trục, *Quốc sử di biên*, Tập thượng, bản dịch của Hồng Liên Lê Xuân Giáo, Tủ sách Cổ văn, Ủy ban Dịch thuật, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1973. Trích Lời giới thiệu của người dịch, tr. XIII. Bài khảo cứu của GS Trần Kinh Hòa từ trang 21 đến trang 48.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Chen Ching Ho. “Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và cổ tích tại Hội An”, tạp chí *Việt Nam khảo cổ tập san*, số 1 năm 1960, trang 1-30 và số 3 năm 1962, tr. 7-40.
2. Cục Lưu trữ Nhà nước, Đại học Huế, Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu văn hóa. *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập II, năm Minh Mệnh 6 (1825) và 7 (1826), Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1998.
3. Trần Kinh Hòa. “Giới thiệu về châu bản triều Nguyễn”, *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập I, Huế, 1960, tr. VIII-XIX.
4. Trần Kinh Hòa. “Nguồn sử liệu của lịch sử Trung Quốc liên hệ đến lịch sử Đông Nam Á và Ấn Độ”, đặc san *Đại học Sư phạm* số 1, Huế, 1960.
5. Trần Kinh Hòa. “Làng Minh Hương và phố Thanh Hà”, tạp chí *Đại học*, số 3 năm 1961, Viện Đại học Huế, tr. 96-121.
6. Léon Vandermeersch. *Ching Ho A. CHEN (1917-1995)*, bài viết do GS Nguyễn Thế Anh cung cấp.
7. Thích Đại Sán. *Hải ngoại kỷ sự, sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVII*, Viện Đại học Huế, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam xuất bản, Huế, 1963.
8. Lê Tấn. *An Nam chí lược*, Nxb Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế, 2002.
9. Phan Thúc Trực. *Quốc sử di biên*, Tập thượng, bản dịch của Hồng Liên Lê Xuân Giáo, Tủ sách Cổ văn, Ủy ban Dịch thuật, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1973.

## TÓM TẮT

Bài viết điểm qua thân thế và sự nghiệp của Giáo sư Trần Kinh Hòa, ghi nhận những đóng góp của ông trên các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nhất là công lao to lớn của ông trong việc khai thác nguồn sử liệu Hán Nôm của Việt Nam trong thời gian cộng tác với Viện Đại học Huế (1958-1962).

Nhìn lại những cống hiến của Giáo sư Trần Kinh Hòa, có thể xem ông là một nhà Đông phương học, một nhà Việt Nam học xuất sắc, để lại nhiều công trình khảo cứu sử liệu rất có giá trị cho nền sử học Việt Nam, đặc biệt cho giới nghiên cứu cổ sử Việt Nam và cổ sử Đông Nam Á.

## ABSTRACT

### CAREER OF THE ORIENTALIST TRẦN KINH HÒA (1917-1995) IN VIETNAM

The article tells about the life and career of Prof. Trần Kinh Hòa, noting his contributions in the fields of teaching, scientific research, especially his credit for exploiting historical source of Sino-Nôm language during his collaboration with the University of Huế (1958-1962).

Looking back to the dedication of Prof. Trần Kinh Hòa, we can consider him as an excellent professor of Oriental and Vietnamese Studies who left many works of historical research valuable for the history of Vietnam, especially for researchers of ancient history of Vietnam and Southeast Asia.